

uigeli.xyz
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được những nội dung chính của tình hình Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.
- Nêu được những nội dung chính của tình hình thế giới từ năm 1991 đến nay.
- Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự, tự học: Tự đặt mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp, diễn đạt tự tin; hiểu rõ nhiệm vụ của cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi trao đổi phản biện; phân tích tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên những nguồn thông tin đã cho; hứng thú tự do trong suy nghĩ, chủ động ý kiến, phát hiện yếu tố mới tích cực trong những ý kiến khác.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Nói chính xác, đúng ngữ điệu, nhịp điệu, trình bày được nội dung của sản phẩm....

b. Năng lực đặc thù:

- Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử. Hệ thống hóa được nội dung kiến thức đã học.
- Khai thác và sử dụng thông tin sách giáo khoa lịch sử dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân tích, nhận xét lịch sử. Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành câu hỏi và bài tập.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Giáo dục tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc; thêm trân trọng những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập, bảng hoạt động nhóm, giấy A0

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, tư liệu liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Tranh, ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.
- Phim tư liệu liên quan đến nội dung bài học.

- SGK, vở ghi...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo sự tò mò, ham học hỏi và lòng khao khát muốn tìm hiểu những điều ở hoạt động hình thành kiến thức mới của bài học; tạo không khí hứng khởi để HS bắt đầu một tiết học mới. Từ đó, giáo viên dẫn vào bài mới.

b. Nội dung: Học sinh quan sát tranh trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi ĐOÁN HÌNH ẢNH để ôn lại kiến thức đã học

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi: GV cung cấp video https://www.youtube.com/watch?v=NDXf_FEF17c về thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng Khoa học kỹ thuật (từ 1945-2000). Học sinh nhận xét về những thành tựu trên?

Bước 3: HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới:

2.1. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991

a. Mục tiêu: Trình bày được kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chống Mỹ (1954-1975).

b. Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Sản phẩm thảo luận nhóm của học sinh.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên – học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm tìm hiểu về Kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chống Mỹ (1954-1975)</p> <p>- Nhóm 1, 3: Kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954).</p> <p>– Đối với dân tộc ta:</p> <p>+ Làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ sức ở mức độ cao.</p> <p>+ Quốc tế công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông</p>	<p>1. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991</p> <p>Kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chống Mỹ (1954-1975) là:</p> <p>* Kháng chiến chống Pháp (1946-1954)</p> <p>– Đối với dân tộc ta:</p> <p>+ Làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ sức ở mức độ cao.</p> <p>+ Quốc tế công nhận độc lập,</p>

Dương.

+ Làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

+ Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để iền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam.

+ Tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

– Đối với quốc tế:

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, tăng cường lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

+ Cùng nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở 3 nước đông dương.

+ Mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

- **Nhóm 2, 4: Kết quả và ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam.

- Nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận, trả lời

HS:

- Kiểm tra lại nội dung, chuẩn bị lên bảng trình bày kết quả.

chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương.

+ Làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

+ Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để iền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam.

+ Tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

– Đối với quốc tế:

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, tăng cường lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

+ Cùng nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở 3 nước đông dương.

+ Mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

*** Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam.

- Nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng

Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: gọi đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét và bổ sung	chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
---	--

2.2. Thế giới từ năm 1991 đến nay

a. Mục tiêu: Khái quát được những sự kiện tiêu biểu của lịch sử thế giới từ 1991 đến nay.

b. Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của gv.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên – học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, nhóm tìm hiểu về những sự kiện tiêu biểu của lịch sử thế giới từ 1991 đến nay. ? Trả lời các câu hỏi sau: 1. <i>Trình bày xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.</i> - Năm 1991, Liên Xô sụp đổ đã đánh dấu kết thúc sự tồn tại của Trật tự hai cực I-an-ta (1945 – 1991). - Hoà bình là xu thế chủ đạo. một trật tự thế giới mới đang dần hình thành theo xu hướng đa cực, nhiều trung tâm. - Thế giới bị phân chia thành hai hệ thống đối lập, luôn đối đầu lẫn nhau: hệ thống tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu. 2. <i>Trình bày quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1991 đến nay.</i> - Sau năm 1991, Chiến tranh lạnh chấm dứt, vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, tình hình chính trị của khu vực được cải thiện rõ rệt, tạo điều kiện cho việc mở rộng ASEAN. - Tháng 7 – 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. - Tháng 7 – 1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN. - Tháng 4 – 1999, Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN.	2. Thế giới từ năm 1991 đến nay 2.1 xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Năm 1991, Liên Xô sụp đổ đã đánh dấu kết thúc sự tồn tại của Trật tự hai cực I-an-ta (1945 – 1991). - Hoà bình là xu thế chủ đạo. một trật tự thế giới mới đang dần hình thành theo xu hướng đa cực, nhiều trung tâm. - Thế giới bị phân chia thành hai hệ thống đối lập, luôn đối đầu lẫn nhau: hệ thống tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu. 2.2 Quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1991 đến nay. - Sau năm 1991, Chiến tranh lạnh chấm dứt, vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết, tình hình chính trị của khu vực được cải thiện rõ rệt, tạo

<p>- Năm 1999, tất cả các nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời</p> <p>HS:</p> <p>- Kiểm tra lại nội dung, chuẩn bị lên bảng trình bày kết quả.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: gọi đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét và bổ sung</p>	<p>điều kiện cho việc mở rộng ASEAN.</p> <p>- Tháng 7 – 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.</p> <p>- Tháng 7 – 1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN.</p> <p>- Tháng 4 – 1999, Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN.</p> <p>- Năm 1999, tất cả các nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.</p>
--	--

2.3. Việt Nam từ năm 1991 đến nay

a. Mục tiêu: Biết được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.

b. Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của gv.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của giáo viên – học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, nhóm tìm hiểu về Việt Nam từ năm 1991 đến nay</p> <p>? Nhóm 1: Những thành tựu tiêu biểu về kinh tế mà Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay</p> <p>- Đất nước từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện.</p> <p>- Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước đã có những bước tiến lớn.</p> <p>- Thị trường xuất nhập khẩu mở rộng và nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng lên.</p> <p>? Nhóm 2: Trình bày một số thành tựu tiêu biểu về chính trị mà Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay.</p> <p>- Độc lập chủ quyền của đất nước giữ vững,</p>	<p>3. Việt Nam từ năm 1991 đến nay</p> <p>3.1 Kinh tế</p> <p>- Đất nước từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện.</p> <p>- Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước đã có những bước tiến lớn.</p> <p>- Thị trường xuất nhập khẩu mở rộng và nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng lên.</p> <p>3.2 Chính trị</p> <p>- Độc lập chủ quyền của đất</p>

<p>tình hình chính trị ổn định đã tạo ra môi trường hoà bình để phát triển đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy chính quyền nhà nước và hệ thống luật pháp ngày càng hoàn thiện. - Phá thế bị bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá. <p><i>? Nhóm 3: Trình bày những thành tựu tiêu biểu của đất nước về văn hoá, xã hội, giáo dục từ năm 1991 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cải thiện và không ngừng được nâng cao. - Giáo dục đào tạo đạt được nhiều thành tựu. - Đời sống văn hoá – nghệ thuật được phát triển phong phú và đa dạng. <p><i>? Nhóm 4: Trình bày những thành tựu chính trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh từ năm 1991 đến nay.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường. - Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo tương đối tốt. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại nội dung, chuẩn bị lên bảng trình bày kết quả. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: gọi đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét và bổ sung.</p>	<p>nước giữ vững, tình hình chính trị ổn định đã tạo ra môi trường hoà bình để phát triển đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy chính quyền nhà nước và hệ thống luật pháp ngày càng hoàn thiện. - Phá thế bị bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá. <p>3.3 Văn hóa, xã hội, giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cải thiện và không ngừng được nâng cao. - Giáo dục đào tạo đạt được nhiều thành tựu. - Đời sống văn hoá – nghệ thuật được phát triển phong phú và đa dạng. <p>3.4 Quốc phòng, an ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường. - Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo tương đối tốt.
--	--

2.4. Cách mạng khoa học kỹ thuật và xu hướng toàn cầu hóa

a. Mục tiêu:

- Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.
- Trình bày được tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam.

- b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của gv.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh
- d. Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên – học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt																		
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, nhóm tìm hiểu về Cách mạng khoa học kỹ thuật và tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam</p> <p><i>? Mô tả những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.</i></p> <p>BẢNG MỘT SỐ THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu tiêu biểu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khoa học cơ bản</td><td>Đạt được nhiều thành tựu lớn trong các ngành Toán học, Vật lý, Sinh học, Hoá học...</td></tr> <tr> <td>Công nghệ sinh học</td><td>Đạt được những bước tiến dài về công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh,... thúc đẩy cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp, các tiến bộ y dược và công nghệ thực phẩm.</td></tr> <tr> <td>Công nghệ vật liệu</td><td>Tạo ra được những vật liệu mới chuyên dụng với tính năng vượt trội như: pô-li-me siêu dẻo; com-pô-sít siêu bền; na-nô siêu nhỏ;...</td></tr> <tr> <td>Công nghệ năng lượng</td><td>Khám phá và đưa vào ứng dụng các nguồn năng lượng mới, đa dạng như: nguyên tử, gió, mặt trời, sinh học, nhiệt hạch,...</td></tr> <tr> <td>Công nghệ thông tin</td><td>Tiến dài với các thế hệ máy tính điện tử có khả năng lưu trữ, xử lý thông tin, tính toán vượt trội và mạng internet được ứng dụng rộng rãi.</td></tr> <tr> <td>Giao thông vận tải</td><td>Có những bước tiến vượt trội với sự xuất hiện của các loại máy bay siêu âm khổng lồ, các loại tàu hoả tốc độ cao.</td></tr> <tr> <td>Thông tin liên lạc</td><td>Có bước tiến "thần kì" với sự xuất hiện của sóng vô tuyến qua hệ thống vệ tinh nhân tạo, điện thoại di động và đặc biệt là điện thoại thông minh.</td></tr> <tr> <td>Công nghệ kỹ thuật số</td><td>Đạt được các thành tựu quan trọng về dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật,... đặt nền móng cho sự ra đời, phát triển của rô-bốt thông minh, nền kinh tế số, thành phố thông minh và chính phủ điện tử. Công nghệ in 3D ngày càng phát triển và được lựa chọn ứng dụng vào sản xuất bởi ưu thế vượt trội trong việc tạo mẫu nhanh chóng, chính xác, đa dạng, tiết kiệm chi phí và hạn chế rác thải.</td></tr> </tbody> </table> <p><i>? Trình bày tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam.</i></p> <p>Toàn cầu hoá tạo điều kiện cho quá trình hội nhập khu vực và thế giới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, vừa đem lại cơ hội, vừa tạo ra thách thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kinh tế, toàn cầu hoá tạo ra cho nước ta cơ hội tiếp cận vốn đầu tư nước ngoài, trình độ khoa học – kỹ thuật tiên tiến của thế giới; mở rộng hoạt động thương mại, xuất khẩu lao động; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao mức sống người dân,... nhưng cũng làm gia tăng sự cạnh tranh. - Về chính trị, toàn cầu hoá mở ra cơ hội để Việt Nam tham gia và thể hiện vai trò tích cực trong các tổ chức khu vực (như ASEAN), 	Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Khoa học cơ bản	Đạt được nhiều thành tựu lớn trong các ngành Toán học, Vật lý, Sinh học, Hoá học...	Công nghệ sinh học	Đạt được những bước tiến dài về công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh,... thúc đẩy cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp, các tiến bộ y dược và công nghệ thực phẩm.	Công nghệ vật liệu	Tạo ra được những vật liệu mới chuyên dụng với tính năng vượt trội như: pô-li-me siêu dẻo; com-pô-sít siêu bền; na-nô siêu nhỏ;...	Công nghệ năng lượng	Khám phá và đưa vào ứng dụng các nguồn năng lượng mới, đa dạng như: nguyên tử, gió, mặt trời, sinh học, nhiệt hạch,...	Công nghệ thông tin	Tiến dài với các thế hệ máy tính điện tử có khả năng lưu trữ, xử lý thông tin, tính toán vượt trội và mạng internet được ứng dụng rộng rãi.	Giao thông vận tải	Có những bước tiến vượt trội với sự xuất hiện của các loại máy bay siêu âm khổng lồ, các loại tàu hoả tốc độ cao.	Thông tin liên lạc	Có bước tiến "thần kì" với sự xuất hiện của sóng vô tuyến qua hệ thống vệ tinh nhân tạo, điện thoại di động và đặc biệt là điện thoại thông minh.	Công nghệ kỹ thuật số	Đạt được các thành tựu quan trọng về dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật,... đặt nền móng cho sự ra đời, phát triển của rô-bốt thông minh, nền kinh tế số, thành phố thông minh và chính phủ điện tử. Công nghệ in 3D ngày càng phát triển và được lựa chọn ứng dụng vào sản xuất bởi ưu thế vượt trội trong việc tạo mẫu nhanh chóng, chính xác, đa dạng, tiết kiệm chi phí và hạn chế rác thải.	<p>4. Cách mạng khoa học kỹ thuật và xu hướng toàn cầu hóa</p> <p>4.1 Cách mạng khoa học kỹ thuật</p> <p>Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật phát triển nhanh và đạt được nhiều thành tựu kì diệu trên các lĩnh vực.</p> <p>4.2 tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam</p> <p>Toàn cầu hoá tạo điều kiện cho quá trình hội nhập khu vực và thế giới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, vừa đem lại cơ hội, vừa tạo ra thách thức.</p>
Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu																		
Khoa học cơ bản	Đạt được nhiều thành tựu lớn trong các ngành Toán học, Vật lý, Sinh học, Hoá học...																		
Công nghệ sinh học	Đạt được những bước tiến dài về công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh,... thúc đẩy cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp, các tiến bộ y dược và công nghệ thực phẩm.																		
Công nghệ vật liệu	Tạo ra được những vật liệu mới chuyên dụng với tính năng vượt trội như: pô-li-me siêu dẻo; com-pô-sít siêu bền; na-nô siêu nhỏ;...																		
Công nghệ năng lượng	Khám phá và đưa vào ứng dụng các nguồn năng lượng mới, đa dạng như: nguyên tử, gió, mặt trời, sinh học, nhiệt hạch,...																		
Công nghệ thông tin	Tiến dài với các thế hệ máy tính điện tử có khả năng lưu trữ, xử lý thông tin, tính toán vượt trội và mạng internet được ứng dụng rộng rãi.																		
Giao thông vận tải	Có những bước tiến vượt trội với sự xuất hiện của các loại máy bay siêu âm khổng lồ, các loại tàu hoả tốc độ cao.																		
Thông tin liên lạc	Có bước tiến "thần kì" với sự xuất hiện của sóng vô tuyến qua hệ thống vệ tinh nhân tạo, điện thoại di động và đặc biệt là điện thoại thông minh.																		
Công nghệ kỹ thuật số	Đạt được các thành tựu quan trọng về dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật,... đặt nền móng cho sự ra đời, phát triển của rô-bốt thông minh, nền kinh tế số, thành phố thông minh và chính phủ điện tử. Công nghệ in 3D ngày càng phát triển và được lựa chọn ứng dụng vào sản xuất bởi ưu thế vượt trội trong việc tạo mẫu nhanh chóng, chính xác, đa dạng, tiết kiệm chi phí và hạn chế rác thải.																		

quốc tế (như Liên hợp quốc), góp phần nâng cao uy tín, địa vị quốc gia.

- Về văn hoá, toàn cầu hoá cho phép mở rộng giao lưu, tiếp xúc và tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại, làm giàu cho nền văn hoá Việt Nam, nhưng cũng dẫn đến nguy cơ bị hoà tan, làm xói mòn bản sắc văn hoá truyền thống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS:

- Kiểm tra lại nội dung, chuẩn bị lên bảng trình bày kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: gọi đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV nhận xét và bổ sung

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và hoàn thiện về nội dung kiến thức đã được tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ, có thể hướng dẫn ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

Câu 1. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954) là gì?

A. Xây dựng được căn cứ hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

B. Tinh thần đoàn kết trong liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.

C. Sự lãnh đạo sang suốt của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn và sáng tạo.

D. Sự đồng tình, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Câu 2. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, tình hình chính trị ở hai miền nước ta như thế nào?

A. Mỗi miền tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

B. Đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Đất nước thống nhất, cả nước đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.

D. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam nắm quyền lãnh đạo đất nước.

Câu 3. Các quốc gia Đông Nam Á tham gia sáng lập ASEAN là:

A. Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.

B. Thái Lan, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.

D. Thái Lan, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.

Câu 4. Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, khó khăn, yếu kém nào khó giải quyết nhất được coi là “quốc nạn”.

A. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên.

B. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

C. Một số vấn đề văn hóa, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

D. Cả B và C

Câu 5. Đây là hạn chế cơ bản của cuộc Cách mạng khoa học – kĩ thuật?

A. Nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh hạt nhân.

B. Hàng hóa sản xuất ra nhiều đến khủng hoảng kinh tế.

C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có sức hủy diệt sự sống, ô nhiễm môi trường, tai nạn, dịch bệnh,..

D. Nạn khủng bố gia tăng.

Câu 6: Nguồn gốc sâu xa của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Do sự bùng nổ dân số.

B. Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và kĩ thuật ngày càng cao của con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí.

D. Yêu cầu của cuộc chạy đua vũ trang giữa các nước tư bản.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên hướng dẫn học sinh chơi trò chơi “Trả lời câu hỏi” và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Câu trả lời của học sinh

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét bài làm của HS.

4. Hoạt động vận dụng:

a. Mục tiêu: Nhằm giúp HS vận dụng kiến thức mới đã lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập, cuộc sống.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao bài tập về nhà: *Viết một đoạn văn ngắn về thuận lợi và thách thức của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hóa*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh hoàn thành bài tập ở nhà.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

*** Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị tiết sau kiểm tra cuối HK2**